

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cho 11 hộ gia đình, bổ sung giá trị hỗ trợ ổn định đời sống cho 06 hộ gia đình và điều chỉnh tên chủ sử dụng đất cho 03 hộ do GPMB dự án: Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, TP Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mỏ mỏ trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 988/TTr-STNMT ngày 14/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 11 hộ gia đình, bổ sung giá trị hỗ trợ ổn định đời sống cho 06 hộ gia đình và điều chỉnh tên chủ sử dụng đất cho 03 hộ do GPMB dự án: Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB là 22.635.059.000 đồng (*Hai mươi hai tỷ, sáu trăm ba mươi lăm tỷ, không trăm năm mươi chín ngàn đồng*). Trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 22.191.234.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 443.825.000 đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

3. Điều chỉnh tên chủ sử dụng đất

- Điều chỉnh tên 02 hộ gia đình đã được phê duyệt tại Quyết định số 916/QĐ- UBND ngày 27/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

+ Từ “Ông Nguyễn Văn Chánh, vợ Võ Thị Phụng” (*STT - 03 tại Phụ lục kèm theo*) thành “Bà Nguyễn Thị Hên (chết), Ông Nguyễn Văn Chánh, vợ Võ Thị Phụng đại diện kê khai”.

+ Từ “Phạm Truy (chết), con Phạm Trương Dũng” (*STT - 11 tại Phụ lục kèm theo*) thành “Phạm Trương Dũng”.

- Điều chỉnh tên 01 hộ gia đình đã được phê duyệt tại Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh từ “Bùi Thị Lan” (*STT - 8 tại Phụ lục kèm theo*) thành “Bùi Thị Lang”.

(*Chi tiết có Phụ lục 1, 2 kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 916/QĐ - UBND ngày 27/3/2023 và Quyết định số 1016/QĐUBND ngày 24/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh. Ban GPMB tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC I

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THUỜNG, HỖ TRỢ CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN: XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QL1Đ ĐẾN QL19 MỚI PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB			Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m ²)	Diện tích hộ đề nghị thu hồi phần còn lại (m ²)	Tổng diện tích thu hồi được bồi thường (m ²)	Trong đó			Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ			Giá trị BT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT	Ghi chú
			Số thửa	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m ²)					Đất ở (m ²)	Đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	DT không bồi thường (m ²)		Hỗ trợ 50% giá đất ở	Hỗ trợ di chuyển tài sản và tiền thuê nhà, chuyển đổi nghề nghiệp	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB				
Đất có GCNQSD đất					1508,20		508,20	0,00	414,70	225,57	189,13	93,50	3.995.654.420	354.110.000	82.428.000	19.000.000	1.275.313.548	10.151.550	5.736.657.518	
1	Đặng Nhơn Hiệp	12 Đào Tấn, phường Nhơn Bình	101	77	753,70	ODT+BHK	99,30		99,30	78,47	20,83		2.675.687.100	354.110.000	17.000.000	6.000.000	454.161.870		3.506.958.970	TĐC
2	Nguyễn Nhân Thanh	13 Đào Tấn, phường Nhơn Bình	131	77	36,80	ODT	36,80		33,50	15,10	18,40	3,30	833.008.000		27.000.000	5.000.000	180.185.208	126.000	1.045.319.208	TĐC
3	Phạm Văn Út, vợ Lê Thị Diệp	KV3, Nhơn Bình	22	69	192,20	ODT+BHK	192,20		132,00	132,00		60,20	396.000.000		29.500.000	7.000.000	640.966.470	7.146.000	1.080.612.470	TĐC
4	Phạm Văn Út, vợ Lê Thị Diệp	KV3, Nhơn Bình	21	69	218,20	LUC	30,00					30,00	0				0		0	
			20	69	307,30	LUC	149,90		149,90		149,90			90.959.320		8.928.000	1.000.000	0	2.879.550	103.766.870
Đất chưa được cấp GCNQSD đất					837,10		609,30	0,00	572,80	444,21	128,59	36,50	10.955.459.980	1.874.840.000	163.500.000	42.000.000	3.324.607.945	10.469.000	16.370.876.925	
5	Nguyễn Thành Long vợ Võ Thị Bé Bình	21 Đào Tấn, phường Nhơn Bình	118	77	36,00	ODT	36,00		25,30	25,30		10,70	860.200.000		29.000.000	7.000.000	250.298.751		1.146.498.751	TĐC
6	Lê Ngọc Tài	19 Đào Tấn, phường Nhơn Bình	117	77	37,40	ODT	37,40		26,30	26,30		11,10	894.200.000		29.000.000	7.000.000	476.217.924	2.499.000	1.408.916.924	TĐC
7	Nguyễn Du (chết), Vợ Nguyễn Thị Ngai	Tổ 9, KV2, Nhơn Bình	137	77	194,10	ODT+BHK	194,10		194,10	168,21	25,89		1.664.692.080	129.450.000	27.000.000	5.000.000	902.427.384	3.885.000	2.732.454.464	TĐC
8	Lê Văn Thor, vợ Nguyễn Thị Thanh Mận	KV2, Nhơn Bình	114	77	81,70	ODT+BHK	81,70		67,00	67,00		14,70	2.278.000.000		29.500.000	6.000.000	451.553.648	1.533.000	2.766.586.648	TĐC
9	Nguyễn Bá (chết), con Lê Thị Kim Hạnh	08 Đào Tấn	110	77	335,20	ODT+BHK	183,50		183,50	80,80	102,70		2.786.207.900	1.745.390.000	16.000.000	5.000.000	397.111.890	2.552.000	4.952.261.790	TĐC
10	Võ Kim Quang	27 Đào Tấn	192	78	77,20	ODT	34,80		34,80	34,80			1.050.960.000		16.000.000	5.000.000	322.803.236		1.394.763.236	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB			Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m ²)	Diện tích hộ đề nghị thu hồi phần còn lại (m ²)	Tổng diện tích thu hồi được bồi thường (m ²)	Trong đó			Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ			Giá trị BT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT	Ghi chú
			Số thửa	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m ²)					Đất ở (m ²)	Đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	DT không bồi thường (m ²)		Hỗ trợ 50% giá đất ở	Hỗ trợ di chuyển tài sản và tiền thuê nhà, chuyển đổi nghề nghiệp	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB				
11	Nguyễn Ngọc Sang (chết), vợ Trần Thị Phụng	25 Đào Tấn	120	78	75,50	ODT+BHK	41,80		41,80	41,80			1.421.200.000		17.000.000	7.000.000	524.195.113		1.969.395.113	
	Bổ sung giá trị BT, HT đất nông nghiệp														83.700.000				83.700.000	
12	Đặng Thị Phê	KP6, Nhơn Bình													3.348.000				3.348.000	
13	Trần Thị Tố Oanh	KP9, Nhơn Bình													13.392.000				13.392.000	
14	Phạm Thị Xuân, chồng Nguyễn Ngọc Khiêm	KP3, Nhơn Bình													11.160.000				11.160.000	
15	Ngô Ngọc Lương (chết), con Ngô Thị Hân	KP5, Nhơn Bình													14.508.000				14.508.000	
16	Hồ Thị Quý (chết), con Lê Văn Định	KP9, Nhơn Bình													31.248.000				31.248.000	
17	Phạm Phi Hùng (chết), vợ Tô Thị Huỳnh	KP3, Nhơn Bình													10.044.000				10.044.000	
A. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ					2345,30		1117,50	0,00	987,50	669,78	317,72	130,00	14.951.114.400	2.228.950.000	329.628.000	61.000.000	4.599.921.494	20.620.550	22.191.234.000	
B. Chi phí GPMB: (A x 2%)																			443.825.000	
C. Tổng cộng: (A) + (B)																			22.635.059.000	

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 916/QĐ-UBND NGÀY 27/3/2023 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1016/QĐ-UBND NGÀY 04/4/2023 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng.

I	Theo Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh		Phê duyệt điều chỉnh	
	Họ và tên	Tổng giá trị BT, HT đã được phê duyệt	Họ và tên	Tổng giá trị BT, HT
1	Ông Nguyễn Văn Chánh, vợ Võ Thị Phương	7.928.680	Bà Nguyễn Thị Hên (chết), ông Nguyễn Văn Chánh, vợ Võ Thị Phương đại diện kê khai	7.928.680
2	Phạm Truy (chết), con Phạm Trương Dũng	435.660.870	Phạm Trương Dũng	435.660.870
II	Theo Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh		Phê duyệt điều chỉnh	
	Họ và tên	Tổng giá trị BT, HT đã được phê duyệt	Họ và tên	Tổng giá trị BT, HT
1	Bùi Thị Lan	276.861.720	Bùi Thị Lang	276.861.720